

Số: **3960** /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này: 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Tổng cục, Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Công Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Vụ Pháp chế (Phòng KSTTHC);
- Lưu: VT, CN.



**Cao Đức Phát**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
THEO CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành theo Quyết định số **3960** /QĐ-BNN-CN ngày **06** tháng **10** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp Trung ương</b>		
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính mới ban hành</b>		
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nông nghiệp	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi,
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</b>		
1	Công nhận thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam B-BNN-193572-TT	Nông nghiệp	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi
2	Công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu chưa được phép lưu hành tại Việt Nam B-BNN-193598-TT	Nông nghiệp	Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi
<b>B</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>		
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính mới ban hành</b>		
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nông nghiệp	Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương**

**Lĩnh vực: Nông nghiệp**

**1. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản) hoặc Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn gia súc, gia cầm).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

+ Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những nội dung chưa đạt yêu cầu để thực hiện bổ sung, hoàn thiện.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.

- Qua đường bưu điện.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Bản sao chụp văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (riêng đối với hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phải là bản sao chứng thực; trường hợp nộp trực tiếp là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng.


- Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo).

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 13 ngày làm việc.**

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.



1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.
- Cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền ủy quyền phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

Thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận: Không.

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

7 /

**Phụ lục 27**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015 /TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Số giấy phép hoạt động:.....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung  
quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi sau:

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

 5

## **2. Công nhận thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam (phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung)**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản) hoặc Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn gia súc, gia cầm).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

+ Thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng ký những nội dung chưa đạt yêu cầu để đơn vị đăng ký thực hiện bổ sung, hoàn thiện.

+ Nếu hồ sơ hoàn chỉnh và sản phẩm đạt các yêu cầu chất lượng, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có văn bản đồng ý.

- Bước 3: Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào Danh mục.

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.

- Qua đường bưu điện.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao chứng thực, chỉ nộp lần đầu);

- Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của nhà sản xuất);

- Phiếu kết quả thử nghiệm (bản chính hoặc bản sao chứng thực) các chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng được cấp bởi các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định hoặc thừa nhận (đối với các chỉ tiêu công bố chưa có phương pháp thử được chỉ định). Bản tiếp nhận công bố hợp chuẩn hoặc tiếp nhận công bố hợp quy theo quy định của pháp luật hoặc quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi mới;

- Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **2.4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 15 ngày làm việc.***

- *Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.*

- *Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành quyết định công nhận: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

### **2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền ủy quyền phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định hành chính.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định hành chính: 05 năm.

- Văn bản không chấp thuận.

2.8. Lệ phí: 120.000 đồng/lần/01 ký mã hiệu/01 sản phẩm.

(Phụ lục 1 Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-BTC ngày 04/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi)

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Thức ăn chăn nuôi chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng.

b) Thức ăn chăn nuôi đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: ngoài đáp ứng các quy định nêu tại điểm a Khoản 2 Điều này, phải hoàn thiện công bố hợp quy theo quy định.

c) Có kết quả khảo nghiệm trên vật nuôi đã được Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi công nhận (chỉ áp dụng đối với thức ăn chăn nuôi mới).

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.



- Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 37/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi.





**Phụ lục 3**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI  
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT  
ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

(Tên tổ chức, cá nhân): ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI  
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản/ Cục Chăn nuôi

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Ký hiệu tiêu chuẩn cơ sở	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy
1						
2						
3						
...						

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



### **3. Công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu chưa được phép lưu hành tại Việt Nam (phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung)**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản) hoặc Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn gia súc, gia cầm).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

+ Thông báo bằng văn bản cho đơn vị lý do đối với những hồ sơ không được công nhận.

+ Đối với những sản phẩm không phải khảo nghiệm, Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi có văn bản công nhận chất lượng.

- Bước 3: Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào Danh mục.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.

- Qua đường bưu điện.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011);

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương của thức ăn chăn nuôi nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp theo quy định tại Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;

- Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi, công dụng, hướng dẫn sử dụng;

- Nhãn của sản phẩm;

- Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng; nhãn phụ sản phẩm thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định;

- Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi của nhà sản xuất đã có một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương. Trường hợp nhà sản xuất không có một trong những giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương thì phiếu kết quả thử nghiệm phải được cấp từ các phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ chỉ định hoặc từ các phòng thử nghiệm được tổ chức công nhận quốc tế hoặc tổ chức công nhận khu vực thừa nhận hoặc do Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi chỉ định hoặc thừa nhận;

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng (chỉ nộp lần đầu);

- Giấy ủy quyền của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch tiếng Việt phải có dịch thuật và chứng thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 15 ngày làm việc.*

- *Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.*

- *Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi: Không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.*

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền ủy quyền phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Tổng cục Thủy sản hoặc Cục Chăn nuôi.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định hành chính: *05 năm.*

3.8. Lệ phí: 40.000 đồng/lần/01 sản phẩm.

(Phụ lục 1 Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-BTC ngày 04/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi)

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Thông tư số 37/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi.

**Phụ lục 6**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI  
NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT  
Ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

(Tên đơn vị):.....  
Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Thủy sản / Cục Chăn nuôi

Tên đơn vị nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

1. Đề nghị được công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau đây:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				
...				

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

**Giám đốc**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



## **II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

### **Lĩnh vực: Nông nghiệp**

### **Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Chi cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản) hoặc Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với thức ăn gia súc, gia cầm).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

+ Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những nội dung chưa đạt yêu cầu để thực hiện bổ sung, hoàn thiện.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản hoặc Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo.

#### **2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.

- Qua đường bưu điện.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi theo mẫu quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Bản sao chụp văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam (riêng đối với hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phải là bản sao chứng thực).

- Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng.

- Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo).

##### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

#### **4. Thời hạn giải quyết: Không quá 13 ngày làm việc.**

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức.

- Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thủy sản hoặc Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền ủy quyền phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Thủy sản hoặc Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận.

Thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận: Không.

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.



**Phụ lục 27**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015 /TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2015  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức, cá nhân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO  
THỨC ĂN CHĂN NUÔI**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Số giấy phép hoạt động: .....

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ: .....

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung  
quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi sau:

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Đại diện tổ chức, cá nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

